

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/HS-PT

Ngày: 07-12-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 20-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Phạm Minh T**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TT, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1964 và bà Hồ Thị L (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2013/HSST ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” (chấp hành xong ngày 23/10/2017, đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 29/6/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 29/6/2022, trong lúc Phạm Minh T đang nuôi bạn gái bị bệnh tại Bệnh viện đa khoa khu vực CLM thuộc ấp TL, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre thì có người thanh niên tên T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) điện thoại hỏi T còn ma túy sử dụng không, người thanh niên này nói có ma túy bán, T đồng ý mua nên hẹn và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C4 - 313.96 (mượn của cha ruột là ông Phạm Văn M trước đó) đi đến khu vực gần cầu Mỏ Cày 2 gặp T mua 2.000.000 đồng ma túy để sử dụng. Khi nhận được ma túy, T cất giấu vào bên trong áo khoác

màu xanh, xếp áo lại và để áo trên бага xe rồi điều khiển xe trở lại Bệnh viện. Sau khi gửi xe xong, T cầm chiếc áo gói ma túy nói trên đi vào cổng Bệnh viện thì thấy lực lượng Công an đến kiểm tra, T vứt áo khoác xuống đất làm rơi gói ma túy cất giấu bên trong áo khoác ra ngoài, cách chỗ T đứng khoảng 02 mét và bị lực lượng Công an lập biên bản bắt quả tang cùng tang vật.

\* Vật chứng thu giữ:

- *Thu giữ dưới đất cạnh vị trí bị cáo T bị bắt:*

+ 01 (một) túi nylon màu trắng, kích thước 04cm x 07cm, kín 04 phía, có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong, ký hiệu M.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu bạc, số seri: F2LWH34THEM3, điện thoại không có gắn sim, được niêm phong trong phong bì ký hiệu ĐT1.

+ 01 (một) áo khoác màu xanh, có chữ adidas.

+01 (một) nón kết màu nâu, có chữ Nike.

- *Thu trong túi quần phía trước bên trái bị cáo T đang mặc:*

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, số IMEI: 868683048416973. số IMEI2: 868683048416964, sim điện thoại có số thuê bao: 0363115156 được niêm phong trong phong bì, ký hiệu ĐT2.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu bạc, số IMEI: 353535065935635, số IMEI2 35353506593564, gắn sim điện thoại có số thuê bao: 0981237479 được niêm phong trong phong bì, ký hiệu ĐT3.

- *Thu trong túi quần phía trước bên phải của bị cáo T đang mặc:* Tiền Việt Nam: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, gồm 60 tờ giấy bạc polime mệnh giá 500.000 đồng, niêm phong, ký hiệu T.

- *Thu giữ ở tiệm giữ xe đối diện cổng trước Bệnh viện đa khoa khu vực CLM:* 01 (một) xe mô tô biển số 71C4 - 313.96, số máy G3DIE66178, số khung 0610JY668648, nhãn hiệu Yamaha, màu xanh đen, loại Exciter.

\* Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà số 67/73 ấp TT, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre và vùng phụ cận (khu vực chòi lá) nơi bị cáo T ở, thu giữ:

- 01 (một) túi vải màu xanh, bên trong túi vải có:

+ 02 (hai) hộp giấy được dán dính vào nhau, trong đó có 01 hộp bên trong rỗng, hộp còn lại bên trong có 01 túi nylon màu đen, bên trong có 07 túi nylon có cùng kích thước 07cm x 04cm, màu trắng, hàn kín 03 phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ, bên trong rỗng;

+ Trong hộp giấy còn phát hiện, thu giữ 01 (một) túi nylon kích thước 16,5cm x 9,5cm, hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì, ký hiệu K1;

+ 01 (một) túi nylon kích thước 04cm x 02cm, hàn kín ba phía, có một phía có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì, ký hiệu K2;

+ 01 (một) gói giấy bạc kích thước 07cm x 2,5cm hai đầu được se quấn kín, mở gói giấy bạc bên trong có 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ kích thước 07cm x 04cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, túi nylon được dán vào tờ giấy bạc bằng băng keo màu đen kích thước 07cm x 02cm. Túi nylon kích thước 07cm x 04cm chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì, ký hiệu K3;

+ 01 (một) cân điện tử màu đen có chữ INSTRUCTION;

+ 01 (một) bình thủy tinh nắp có gắn nỏ thủy tinh;

+ 01 (một) ống nhựa màu trắng hồng, hai đầu hở, bên trong rỗng, dài 33cm;

+ 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng, một đầu hở, một đầu vát nhọn, bên trong rỗng, dài 14cm;

+ 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng, dài 8cm, một đầu hàn kín, một đầu hở, bên trong rỗng;

+ 01 (một) đoạn ống nhựa dài 14cm hở hai đầu, bên trong rỗng;

- Thu trên mặt bàn đá: 01 (một) kéo kim loại màu trắng dài 16cm.

\* Tại Bản kết luận giám định số: 298/2022/KL-KTHS ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 9,9671 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 8,1138 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0610 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,7800 gam.

Không hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN mẫu vật ký hiệu K2 sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN mẫu vật sau giám định đã được niêm phong lần lượt có khối lượng:

+ Mẫu vật ký hiệu M: 9,6299 gam.

+ Mẫu vật ký hiệu K1: 7,8698 gam.

+ Mẫu vật ký hiệu K3: 1,5929 gam.

Tổng khối lượng ma túy, loại Methamphetamine mà bị cáo Phạm Minh T tàng trữ là 19,9219 gam.

Quá trình điều tra, Phạm Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Đối với số ma túy thu giữ tại nơi ở của bị cáo là do bị cáo mua của người tên T cách ngày bị bắt quả tang khoảng 20 ngày nhằm mục đích sử dụng và còn lại.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2022;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt bổ sung bằng tiền, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 26/9/2022 bị cáo Phạm Minh T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội; nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Minh T 07 năm 06 tháng tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Minh T 07 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2022. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: trong ngày 29/6/2022, tại cổng Bệnh viện đa khoa khu vực CLM thuộc ấp TL, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre, lực lượng chức năng phát hiện và lập biên bản bắt quả tang bị cáo Phạm Minh T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong áo khoác, loại Methamphetamine, khối lượng 9,9671 gam. Đồng thời qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Phạm Minh T và vùng phụ cận tại Số nhà 67/73, ấp TT, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre phát hiện bị cáo Phạm Minh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 9,9548 gam. Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Phạm Minh T tàng trữ trái phép là 19,9219 gam, loại Methamphetamine.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 19,9219 gam; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “*Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân không tốt vì đã từng bị kết án 07 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo *thành khẩn khai báo* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *có cha ruột là người có công với đất nước được tặng thưởng Huân Chương chiến công hạng 3* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: ngoài lần bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 29/6/2022 tại cổng Bệnh viện đa khoa khu vực CLM thuộc ấp TL, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre về hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 9,9671 gam ma túy, loại Methamphetamine; thì trước đó khoảng 20 ngày tại khu vực cầu TQ thuộc xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre, bị cáo có mua của người tên T 01 gói ma túy để sử dụng, khối lượng ma túy còn dư bị cáo tàng trữ trái phép tại khu vực chòi lá ở ấp TT, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre thì bị cơ quan chức năng khám xét khẩn cấp phát hiện thu giữ với khối lượng 9,9548 gam, loại Methamphetamine. Như vậy; bị cáo đã mua ma túy

02 lần để tàng trữ trái phép nhằm mục đích sử dụng; mỗi lần mua ma túy đều độc lập với nhau về thời gian, địa điểm mua trái phép chất ma túy và địa điểm tàng trữ trái phép chất ma túy; mỗi lần tàng trữ trái phép chất ma túy đều đủ định lượng cấu thành tội phạm. Vì vậy; trong vụ án này ngoài tình tiết định khung tăng nặng mà bị cáo phải chịu là “*Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, thì bị cáo còn phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót; do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên cấp phúc thẩm không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Xét thấy; bị cáo đã tàng trữ trái phép khối lượng 19,9219 gam ma túy, loại Methamphetamine, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, thuộc loại tội rất phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn; bị cáo vào năm 2013 từng bị kết án 07 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, đã được xoá án tích nhưng không chịu từ bỏ ma túy mà lại phạm tội về ma túy, điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, xem thường pháp luật, là người khó cải tạo; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Minh T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2022.

**2. Về án phí:** căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phạm Minh T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (3b);
- Công an và VKSND h. Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã TT, h. CL (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Tôn Văn Thông**